

TP. Quy Nhơn, ngày 6 tháng 4 năm 2009

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2009**

***Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo và giải quyết kịp thời của Hội đồng quản trị nên việc tiếp nhận chuyển giao từ các Công ty cũ sang nhanh chóng hoàn tất, ổn định sắp xếp bộ máy tổ chức nhân sự quản lý điều hành mới đi vào nề nếp không để ảnh hưởng đến hoạt động SXKD sau khi hợp nhất Công ty.

- Sản phẩm Bia Sài Gòn có mức tiêu thụ lớn, tăng trưởng 17%/năm tạo điều kiện thuận lợi cho việc sản xuất và tiêu thụ của Công ty.

- Thu nhập của người lao động được ổn định, tập thể CBCNV đoàn kết có ý thức trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ chung.

2. Khó khăn:

- Năm 2008 tình hình kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, giá nhiều loại vật tư nguyên liệu như sắt thép, phân bón, chất dẻo, đặc biệt là xăng dầu liên tục thay đổi ở mức cao gây áp lực cho sản xuất trong nước. Giá cả các nguyên vật liệu chính như malt, houblon, gạo,... đều tăng cao trong đó Malt - gạo tăng gấp 2 lần, Houblon tăng gấp 7 lần, hoá chất tăng 40- 50% thậm chí có loại hóa chất tăng lên 3 lần so với năm 2007 đã làm tăng giá thành sản xuất.

- Việc triển khai các giải pháp kìm chế lạm phát của Chính phủ như điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản đã ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như chậm giải ngân khoản vay vốn đầu tư, chi phí lãi vay tăng cao.

- Ảnh hưởng kinh tế lạm phát, sức mua giảm nên việc giao hàng cho SABECO cũng không đạt được số lượng theo hợp đồng ký kết, bên cạnh đó dự án nâng công suất của Nhà máy Bia Quy Nhơn nhà thầu không đảm bảo tiến độ nên dự án hoàn thành đưa vào hoạt động chậm so tiến độ dẫn đến không đủ sản lượng giao hàng trong thời gian cao điểm cuối năm.

- Trong năm SABECO điều chỉnh giá mua sản phẩm đối với các đơn vị sản xuất bia Sài Gòn, trong đó giá mua đối với Bia chai 450 tăng 29% và giá mua đối với bia chai 355 tăng 15% so với năm 2007. Tuy nhiên mức tăng không đủ bù đắp chi phí nguyên vật liệu tăng lên.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2008

1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Công ty CP Bia Sài Gòn Quy Nhơn, Phú yên và ĐakLak, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các Công ty hợp nhất và chính thức hoạt động từ ngày 01/10/2008. Để giúp cổ đông nhìn nhận một cách toàn diện kết quả hoạt động SXKD năm 2008, Công ty báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu thực hiện cho cả năm bao gồm kết quả thực hiện trước và sau khi hợp nhất.

STT	Chỉ tiêu	Đvt	TH	K.H	TH	%/	%/
			N.2007	N.2008	N.2008	KH	CK
1	S. lượng Sản xuất	Triệu lít	65,93	89,20	75,65	84,81	114,74
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	25,87	36,00	34,32	95,32	132,66
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	32,16	46,00	35,63	77,46	110,80
	+ Bia chai khác	Triệu lít	6,11	2,50	2,73	109,12	44,63
	+ Bia Hơi	Triệu lít	1,79	4,70	2,98	63,30	165,83
2	SL tiêu thụ	Triệu lít	65,10	86,20	74,87	86,86	115,01
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	25,58	36,00	33,88	94,10	132,43
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	31,97	43,00	35,11	81,66	109,82
	+ Bia chai khác	Triệu lít	5,75	2,50	2,90	115,84	50,39
	+ Bia Hơi	Triệu lít	1,80	4,70	2,99	63,51	166,20
3	Giá trị Tổng S. lượng	Tỷ đồng	488,16	716,22	612,36	85,50	125,44
4	Doanh thu	Tỷ đồng	492,11	763,02	695,61	91,16	141,35
5	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	288,73	438,32	381,97	87,14	132,29
6	L. nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,62	-1,67	19,44		36,95
7	Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	239,99	362,00	315,76	87,23	131,57
8	Tổng Vốn Đầu tư	Tỷ đồng	218,82	685,25	383,98	56,03	175,48

Trong đó:

***Kết quả 09 tháng trước khi hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	K.H	TH	%/
			9T/2008	9T/2008	KH
1	S. lượng Sản xuất	Triệu lít	66,30	57,12	86,15
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	27,00	25,74	95,32
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	35,13	26,86	76,47
	+ Bia chai khác	Triệu lít	1,88	1,98	105,39
	+ Bia Hơi	Triệu lít	4,05	2,55	62,79
2	S. lượng tiêu thụ	Triệu lít	65,02	55,60	85,52
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	27,00	24,64	91,26
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	32,09	26,16	81,51
	+ Bia chai khác	Triệu lít	1,88	2,26	120,32
	+ Bia Hơi	Triệu lít	4,05	2,55	62,85
3	Giá trị Tổng S. lượng	Tỷ đồng	478,22	418,36	87,48
4	Doanh Thu	Tỷ đồng	564,90	520,49	92,14
5	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	324,76	281,56	86,70
6	L. nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-1,37	22,60	
7	Tổng Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	228,85	228,04	99,65
8	Tổng Vốn Đầu tư	Tỷ đồng	385,68	247,35	64,13

Kết quả 03 tháng sau khi hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	K.H	TH	%/
			Q4/2008	Q4/2008	KH
1	S. lượng Sản xuất	Triệu lít	22,90	18,53	80,93
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	9,00	8,58	95,32
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	10,87	8,77	80,67
	+ Bia chai khác	Triệu lít	0,63	0,75	120,32
	+ Bia Hơi	Triệu lít	0,65	0,43	66,46
2	S. lượng tiêu thụ	Triệu lít	21,18	19,27	90,97
	+ Bia chai SG 450ml	Triệu lít	9,00	9,24	102,63
	+ Bia chai SG 355ml	Triệu lít	10,91	8,95	82,08
	+ Bia chai khác	Triệu lít	0,63	0,64	102,40
	+ Bia Hơi	Triệu lít	0,65	0,44	67,64
3	Giá trị Tổng S. lượng	Tỷ đồng	238,00	194,00	81,51
4	Doanh thu	Tỷ đồng	198,12	175,12	88,39
5	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	113,55	100,41	88,43
6	L. nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-0,30	-3,16	
7	Tổng Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	98,00	87,72	89,51
8	Tổng Vốn Đầu tư	Tỷ đồng	299,57	136,63	45,61

Tất cả các chỉ tiêu thực hiện đều không hoàn thành kế hoạch nguyên nhân chủ yếu sau:

Nguyên nhân khách quan:

- Việc nhận hàng của Công ty TNHH 1TV TM SA BE CO không đủ số lượng theo thông báo lệnh hàng tuần, nhất là trong các tháng cuối năm, nên sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 68,99 triệu lít, đạt 91,37 % so với Hợp đồng mua bán đã ký là 75,5 triệu lít, làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành kế hoạch sản xuất và tiêu thụ năm.

- Ảnh hưởng của tình hình chung nền kinh tế sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh và trong điều kiện lượng cung vượt cầu thì việc tiêu thụ các sản phẩm bia hơi, bia chai khác không mang nhãn hiệu bia Sài Gòn càng thêm khó khăn.

- Giá cả vật tư, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao đột biến, gạo tăng 186%, malt tăng 126%, hoa cao tăng 432%, hoa viên tăng 177%,.....so với năm 2007, so với kế hoạch 2008 thì chi phí sản xuất tăng 240 đồng/lít sản phẩm, trong khi giá đầu ra sản phẩm không thay đổi.

- Trong quý 4 ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay từ 13% tăng lên 21% đến 23%/năm, đã làm tăng chi phí lãi vay. Mặt khác sau khi hợp nhất kế hoạch tăng vốn điều lệ để bổ sung nguồn vốn đầu tư chưa thực hiện được, nên phải sử dụng nguồn vốn vay cũng làm tăng thêm chi phí lãi vay.

Nguyên nhân chủ quan:

- Dự án đầu tư nâng công suất lên 50 triệu lít bia/năm của Nhà máy Bia Sài Gòn-Quy Nhơn hoàn thành chậm so với tiến độ 4 tháng (Thời gian hoàn thành dự án dự kiến là tháng 09/2008), đến 15/12/2008 tiến hành nấu thử nên không khai thác được sản lượng sản xuất từ dự án này dẫn đến sản lượng giảm 5 triệu lít so với kế hoạch xây dựng.

- Khi xây dựng kế hoạch SXKD chưa sát với thực tế, chưa dự báo những khó khăn dẫn đến việc xác lập các chỉ tiêu liên quan rất cao chưa phù hợp với tốc độ phát triển chung.

- Chưa tập trung cho việc phát triển thị trường, còn thụ động và thiếu linh hoạt trong việc bán hàng còn hạn chế, trong khi đó áp lực của các đối thủ cạnh tranh rất gay gắt, dẫn đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm bia khác còn rất thấp thậm chí không có sự tăng trưởng.

2. Công tác đầu tư:

2.1. Dự án nâng công suất lên 50 triệu lít của Nhà máy bia Quy Nhơn

Tình hình giá cả vật tư liên tục biến động trong năm làm ảnh hưởng công tác thi công của các nhà thầu, việc lắp đặt thi công trong điều kiện mặt bằng chật hẹp không được gián đoạn sản xuất vì vậy quá trình lắp đặt phải chờ chuyên gia nước ngoài có ý kiến di dời một số thiết bị cũ đảm bảo phù hợp cho việc lắp đặt các thiết bị mới. Do vậy dự án hoàn tất đưa vào sử dụng trong tháng 12/2008, chậm 4 tháng so với tiến độ.

Tổng giá trị thanh toán trong năm cho dự án đạt 189 tỷ đồng (trên 80% vốn dự án), hiện nay Công ty đang tiến hành nghiệm thu và lập quyết toán vốn cho dự án này.

2.2. Dự án nâng công suất từ 25 triệu lít lên 70 triệu lít của Nhà máy bia Đaklak

Về cơ bản việc thực hiện các gói thầu đúng tiến độ, trong đó các gói thầu lớn như gói thầu xây dựng nhà máy cơ bản đã hoàn thành hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện, gói thầu cung cấp thiết bị và lắp đặt phần thiết bị đã về đến chân công trình, công tác lắp đặt đạt 70% dự kiến dự án hoàn thành đưa vào hoạt động trong tháng 05/2009. Tổng giá trị thanh toán trong năm đạt 124,5 tỷ đồng (trên 25% vốn dự án), toàn bộ ngoại tệ để thanh toán thiết bị nhập khẩu cũng đã được chuẩn bị đầy đủ đảm bảo thanh toán khi đến hạn.

3. Tình hình vay và trả nợ :

Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện dự án nâng công suất của Nhà máy bia Quy Nhơn, ĐakLak và vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tình hình thực hiện vay và trả nợ vay trong năm như sau :

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Diễn giải	Dư nợ đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả nợ trong kỳ	Dư nợ vay cuối kỳ
A	VỐN ĐẦU TƯ	69,35	353,80	159,33	263,82
1	Quy Nhơn	18,99	176,19	55,10	140,08
2	Phú Yên	0	0	0	0
3	Đak Lak	50,36	177,61	104,23	123,74
B	VỐN LƯU ĐỘNG	9,70	152,81	101,27	61,24
1	Quy Nhơn	9,70	130,69	81,62	58,77
2	Phú Yên	0	12,12	9,65	2,47
3	Đak Lak	0	10,00	10,00	0
C	CỘNG	79,05	506,61	260,60	325,06

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2009

1. Nhận định tình hình năm 2009:

Trong tình hình chung của nền kinh tế thế giới Việt Nam cũng không phải ngoại lệ khi đối mặt với những khó khăn chung , trước tình hình kinh tế diễn biến phức tạp như trong thời gian qua dự báo năm 2009 có thể khó khăn hơn nhiều so với năm 2008.

Nguyên liệu chủ yếu sản xuất bia là phải nhập khẩu 60%-70% nguyên liệu sản xuất nên phụ thuộc rất nhiều vào tình hình thế giới về nguồn cung cấp, cũng như phải chịu ảnh hưởng biến động tỷ giá ngoại tệ .

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng vượt bậc trong những năm qua nhưng song hành cùng với đó lạm phát cũng tăng cao theo từng năm; dù Chính phủ vẫn đang tiến hành các giải pháp bình ổn lạm phát nhưng kết quả thực sự còn phải chờ sau thời gian dài. Thêm vào đó thiên tai liên tục cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất nguyên liệu trong nước. Điều này càng gây khó khăn trong việc quản lý giá cả đầu vào.

Nhận thức được triển vọng phát triển của ngành bia Việt Nam ngày càng có nhiều tập đoàn lớn nước ngoài tìm cách gia nhập vào thị trường thông qua hình thức liên doanh với các doanh nghiệp trong nước. Ngay cả những công ty vốn không có truyền thống sản xuất bia rượu nay cũng tham gia vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh này. Với thế mạnh về nguồn vốn trình độ quản lý nhân lực và công nghệ, sự có mặt của các doanh nghiệp nước ngoài làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho thị trường bia Việt Nam.

2. Các chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh:

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2008	Kế hoạch 2009			So sánh KH 2009 với TH 2008	
				Tổng số	Trong đó			
					Qui nhơn	Phú yên		Đaklak
1	Sản lượng sản xuất	Tr.lít	75.66	110.14	35	22.64	52.5	146%
	- Bia chai SG 45	"	34.32	69		17	52	
	- Bia chai SG 355	"	35.63	33	30	3		
	- Bia chai khác	"	2.73	3.8	3.8			
	- Bia hơi	"	2.98	4.34	1.2	2.64	0.5	
2	Sản lượng tiêu thụ	"	74.88	110.14	35	22.64	52.5	147%
	- Bia chai SG 45	"	33.88	69		17	52	
	- Bia chai SG 355	"	35.11	33	30	3		
	- Bia chai khác	"	2.9	3.8	3.8			
	- Bia hơi	"	2.99	4.34	1.2	2.64	0.5	
3	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	612.36	877.88	282.19	160.88	434.81	143%
4	Tổng doanh thu	"	695.61	981.32	343.86	183.76	453.7	141%
5	Lợi nhuận trước thuế	"	19.44	8.371	3.312	2.213	2.846	43%
6	Nộp ngân sách	"	315.76	455.11	157.9	86.88	210.33	144%
7	Tổng vốn đầu tư	"	383.98	395.5	41.71	10.19	343.6	103%

3. Công tác đầu tư năm 2009:

Tập trung thực hiện dự án đầu tư nâng công suất tại Nhà máy Bia ĐakLak đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ đưa vào sản xuất trong tháng 06/2009.

Tổ chức nghiệm thu toàn bộ dự án 25 triệu lít của Nhà máy Bia ĐakLak và 50 triệu lít của Nhà máy Bia Qui Nhơn để làm cơ sở quyết toán và tiến hành kiểm toán báo cáo vốn đầu tư chậm nhất đến ngày 30/08/2009 phải hoàn thành trình Hội đồng quản trị phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Triển khai thực hiện dự án hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Bia Phú Yên để đáp ứng điều kiện môi trường phục vụ sản xuất.

4. Kế hoạch vay và trả nợ vay :

Căn cứ vào nhu cầu vốn đầu tư và vốn lưu động, dự kiến kế hoạch vay vốn và trả nợ vốn vay trong năm như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số	Trong Đó		
			Quy Nhơn	Phú Yên	Daklak
A	VAY				
1	Tổng dư nợ đầu kỳ	325.064,31	198.851,33	2.467,55	123.745,42
	- Vay vốn đầu tư	263.826,47	140.081,04	-	123.745,42
	- Vay vốn lưu động	61.237,84	58.770,28	2.467,55	-
2	Vay trong kỳ	498.394,99	83.709,00	26.000,00	388.685,99
	- Vay vốn đầu tư	385.394,99	41.709,00	-	343.685,99
	- Vay vốn lưu động	113.000,00	42.000,00	26.000,00	45.000,00
B	TRẢ NỢ	176.975,20	69.308,00	26.000,00	81.667,20
	- Trả nợ vốn đầu tư	63.975,20	27.308,00	-	36.667,20
	- Trả nợ vốn lưu động	113.000,00	42.000,00	26.000,00	45.000,00
C	NGUỒN TRẢ NỢ	63.898,02	27.308,00	2.919,34	33.670,68
	- Khấu hao	63.898,02	27.308,00	2.919,34	33.670,68

IV. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD

- Đảm bảo mọi nguồn lực phục vụ để đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Tăng cường quản lý sử dụng tiêu hao vật tư thực tế, xác định các trường hợp vật tư sử dụng cao hơn định mức để phục vụ cho công tác quản lý và xác định chi phí hợp lý khi tính thuế.
- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để tiết kiệm tối đa nguồn năng lượng như điện, nước, dầu... cũng như bố trí hợp lý thời gian sản xuất để tiết giảm chi phí tiền điện trong giờ cao điểm.
- Bố trí và sử dụng lao động hợp lý để nâng cao năng suất lao động.
- Tập trung các nguồn lực cho công tác phát triển các điểm tiêu thụ, đồng thời có chính sách bán hàng linh hoạt và kịp thời để khuyến khích người tiêu thụ sản phẩm bia hiện nay của Công ty.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới về nước giải khát để đa dạng hóa các sản phẩm tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán để cấu trúc lại các khoản đầu tư tài chính khi có điều kiện thuận lợi, nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn đầu tư.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua để thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Triêm